

Số: 1835 /TBL-CCĐTNĐPN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2016

THÔNG BÁO LUỒNG
(Tháng 11 năm 2016)

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.

Thừa ủy quyền của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Chi cục đường thủy nội địa phía Nam thông báo:

I/ Tình hình mực nước

TT	Trạm	H _{max} (m)	H _{min} (m)	Hđo-ngày	Vị trí Trạm
1	Biên Hòa	+2,22	-1,78	08/10 17/10	Km 33+460 bờ trái sông Đồng Nai phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
2	Bình Đức	+1,93	-0,62	12/10 18/10	Km 26+000 bờ phải sông Vàm Cỏ Đông, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
3	Phước Đông	+2,38	-1,22	18/10 22/10	Km 10+000 bờ phải sông Cần Giuộc, xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
4	Sông Tiền	+1,79	-1,37	18/10 24/10	Km 182+200 bờ trái sông Tiền xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
5	Chợ Gạo	+ 1,58	-1,08	20/10 24/10	Km 20+200 bờ phải kênh Chợ Gạo xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
6	Chợ Lách	+2,20	-0,70	18/10 23/10	Km 03+700 bờ trái kênh Chợ Lách, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
7	Bến Tre	+1,66	-1,20	11/10 17/10	Km 3+800 bờ phải sông Bến tre, Khu phố 1, P.8, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
8	Cần Thơ	+1,88	+0,03	12/10 17/10	Km 07+700 bờ trái rạch Cần Thơ Phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
9	Sóc Trăng	+1,98	-0,31	19/10 24/10	Km 11+150 bờ phải kênh Phú Hữu Bãi Xàu, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
10	Vị Thanh	+0,78	+0,38	08/10 23/10	Km 38+320 bờ phải kênh Xà No, xã Vị Tân, Tp Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
11	Hòn Đất	+0,68	+0,28	04/10 23/10	Km 5+740 bờ phải kênh Rạch Giá Hà Tiên, xã Mỹ Lâm, H.Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang



12	Thanh An	+1,20	+0,94	13/10 21/10	Km 26+920 bờ trái kên Rạch Sỏi Hậu Giang, TT. Thanh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ
13	Long Xuyên	+2,41	+1,05	10/10 19/10	Km 1+500 bờ phải kênh Rạch Giá Long Xuyên, P Bình Khánh, TP Long xuyên, T. An Giang
14	Cà Mau	+1,19	+0,17	08/10 20/10	Km 62+000 bờ phải kênh Bạc Liêu Cà Mau, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
15	Năm Căn	+1,42	-0,60	08/10 22/10	Km 0+800 bờ trái sông Bảy Hạp, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
16	Thới Bình	+0,85	+0,63	08/10 20/10	Km 12+400 bờ trái sông Trèm Trèm, TT. Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
17	Lấp Vò	+1,79	+0,72	11/10 18/10	Km 37+300 bờ trái kênh Lấp Vò Sa Đéc, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
18	Cao Lãnh	+2,26	+0,71	10/10 18/10	Km 180+000 bờ trái sông Tiền Xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
19	Tân Châu	+3,33	+2,67	17/10 26/10	Km 237+600 bờ phải sông Tiền phường Long Châu, thị xã, tỉnh An Giang
20	Mộc Hóa	+1,50	+1,13	13/10 20/10	Km 129+650- bờ phải sông Vàm Cỏ Tây, xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An

II/ Tình hình luồng

STT	Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Lý trình Km	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu nhỏ nhất h_{min}	Độ sâu lớn nhất h_{max}	Độ sâu thực đo (h)	Chiều rộng đáy luồng (B)
1	Đồng Nai	Cầu Ghềnh	38+050	Có tĩnh không cầu 6m			
2	Sông Sài Gòn	Cọc sắt larsen, phía bờ phải	111+550	3,2	6,1	4,3	49
		Cầu Sắt Bình Lợi	30+270	Có tĩnh không cầu 1,5m			
		Cầu Phú Long (cũ)	42+570	Có tĩnh không cầu 3m			
3	Kênh Xáng Long Định	Cầu Long Định	10+070	Có tĩnh không cầu 2,4m			
4	Kênh Nước Mặn	cọc sắt cừ Larsen	0+900	Phía bờ tả, nằm ngoài luồng			
5	Kênh Thị Đội Ô Môn	Cầu Ô Môn	06+540	Có tĩnh không cầu 3,2m			
6	Kênh Xà No	Mảng bê tông, kè bê tôn	32+850	0,8	1,6	1,20	28
7	Kênh Mực	Cầu Treo 13	12+480	Có tĩnh không cầu 3m			

	Cần Dung							
8	Kênh Vĩnh Tế	Cầu Vĩnh Ngon	0+530	Có tính không cầu 4,1m				
9	K. Rạch Giá Long xuyên	Cầu Thoại Hà	27+590	Có tính không cầu 3,66m				
		Đá ngầm	30+380	2,5	4,6	2,38	12	
10	Kênh Lương Thế Trân	Khối bê tông 6x10m	0+160	1,5	4,5			
11	Kênh Bạc Liêu Cà Mau	Cầu Giá Rai	30+175	Có tính không cầu 3,8m				
12	Kênh Tháp Mười số 1	Cầu Treo tam Nông	69+710	Có tính không cầu 2,5m				
		Cầu An Long	89+580	Có tính không cầu 3,0m, khẩu độ 17m, khoang thông thuyền xéo với trục dòng chảy.				
13	Kênh Tháp Mười số 2	Cống Rạch Chanh	01+150	Có tính không cống 1,8m, khẩu độ 5m				
14	K. Hồng Ngự Vĩnh Hưng	Cầu Hồng Ngự	44+010	Có tính không cầu 3,5m				
15	Kênh 4 Bis	Cầu Sắt Mỹ An	00+110	Có tính không cầu 3,0m				
16	Sông Vàm Cỏ Tây	Cầu Mộc Hóa	128+710	Có tính không cầu 3,5m				
		Xác tàu chìm cũ	34+200	Phía bờ tả, nằm ngoài luồng				
		cọc sắt và trụ neo tàu	33+970 - 34+090	Phía bờ tả, nằm ngoài luồng				
17	Kênh Phước Xuyên	Cầu Tân Phước	27+500	Có tính không cầu 4,5m				
18	Kênh 28	Cầu Thông Lưu	25+060	Có tính không cầu 2,6m				
19	Kênh Mỏ Cà	Cầu Mỏ Cà	08+00	Có tính không cầu 4m				
20	Kênh Tư Mới	Cầu Mỹ An	02+290	Có tính không cầu 3,7m				
21	Kênh Trà Vinh	Cầu Trà Vinh	04+100	Có tính không cầu 2m				
22	Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp	Cầu Phước Long	58+210	Có tính không cầu 3,8m				
23	Kênh Trà Vinh	Cầu Long Bình 1	4+100	Có tính không 3,4m				

III – Bãi cạn

STT	Sông	Bãi cạn, luồng cạn trọng điểm	Lý trình	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu nhỏ nhất h_{min}	Độ sâu lớn nhất h_{max}	Độ sâu thực đo (h)	Chiều rộng đáy luồng (B)
1	Đồng Nai	Bãi đá HL cầu Hóa An	Km40+270 ÷ 40+650	2	5	3,7	52
		Bãi đá Tân Định	Km73+650 ÷	1	3,6	2,7	35

			74+800				
		Bãi đá Hiếu Liêm	Km89+800 ÷ 90+400	3	5,4	4,7	35
2	Sông Sài Gòn	Bãi cạn khu vực cầu Bến Súc	Km99+950 ÷ 100+150	3	5,9	4,3	45
		Bãi cạn khu vực TL cầu Bến Súc	Km101+850 ÷ 114+680	3,2	6,1	4,3	25
		Luồng cạn	Km115+550 ÷ 126+000	1,2	3,9	2,2	52
3	Kênh Chợ Gạo	Luồng cạn	Km10+000 ÷ 11+500	1,8	4,7	2,3	55
4	Rạch Kỳ Hôn	Vàm Kỳ Hôn	Km 27+900 ÷ 28+200	2,1	5,2	2,5	55
5	Kênh Xáng Long Định	Vàm ra sông Tiền	Km18+400 ÷ 18+500	2	4,7	2,4	30
6	Sông Hàm Luông	Bãi cạn HL cồn Chuối	Km76+500 ÷ 79+000	2,4	5,2	3,4	140
7	Sông Bến Tre	Bãi cạn Phú Hưng	Km 0+500 ÷ 2+500	1,3	4,2	1,6	45
8	Kênh Thị Đội Ô Môn	Luồng cạn	Km14+650 ÷ 25+500	0,9	2,9	1,8	14
9	Kênh Thốt Nốt	Bãi cạn	Km 4+220 ÷ 4+250	2,1	3,5	2,7	25
10	Sông Cái Bé	Luồng hẹp	Km5+370 ÷ 6+020	2,1	3,5	3	35
11	Sông cái Lớn	Luồng hẹp	Km 27+600 ÷ 31+300	3,2	4,2	4	54,6
12	Rạch Cái Tàu	Luồng hẹp	Km 0+670 ÷ 1+590	2,6	3,5	3	52
13	Kênh Xà No	Luồng cạn	Km29+000 ÷ 39+500	1,8	3	2	18
14	Kênh Rạch Giá Hà Tiên	Luồng cạn, hẹp	Km77+750 ÷ 78+750	1,7	2,8	2,1	22
15	Kênh Mặc Cần Dung	Luồng cạn, hẹp	Km 8+800 ÷ 10+200	1,1	4,1	2,14	22
16	Kênh Vĩnh Tế	Luồng cạn, hẹp	Km5+000 ÷ 8+500	2	5,7	1,0	18
17	K. Rạch Giá Long xuyên	Luồng cạn, hẹp	Km0+200 ÷ 0+865	1,2	4,0	2,5	22
18	R Khe Luông	Luồng cạn, hẹp	Km 0+000 ÷ 1+500	1,6	2,5	2,4	20
19	NCL Ông Hồ	Luồng cạn	Km 1+180 ÷ 1+850	3,1	5,7	3,35	200
		Luồng cạn	Km 6+500 ÷ 7+500	3,1	5,7	3,35	250

20	K. Bảy Hạp Gành Hào	Luồng cạn	Km0+000 ÷ 9+000	1,3	2,7	1,6	36
21	Sông Bảy Hạp	Luồng cạn	Km12+000 ÷ 25+000	1,8	3,6	2,6	52
22	Kênh Tắc Năm Căn	Luồng cạn	Km9+850 ÷ 11+500	2,7	5	3,6	52
23	Sông Ông Đốc	Bãi cạn N/3 Lg Thê Trân	Km42+000 ÷ 41+200	0,4	1,3	1,17	30
		Bãi cạn Rạch Rẫy	Km40+100 ÷ 40+600				25
		Bãi cạn Cỏ xước	Km 38+600 ÷ 40+550				27
24	Kênh Lương Thế Trân	Luồng Cạn, hẹp	Km0+000 ÷ 10+000	1,3	2,4	2,05	27
25	Sông Gành Hào	Luồng Cạn hẹp	Km43+244 ÷ 43+400	1,4	3	1,8	25
		Luồng cạn hẹp	Km46+250 ÷ 46+500	1,5	3,1	1,9	40
		Luồng cạn hẹp	Km47+300 ÷ 47+780	1,4	3	1,7	35
26	Kênh Tân Bằng Cán Gáo	Luồng cạn	Km0+000 ÷ 10+000	1,7	2,7	2	15
27	Sông Trẹm và K. Trẹm Cạnh đền	Luồng cạn hẹp	46,1 Km	3	3,9	3,4	20
28	Kênh Lấp Vò Sa Đéc	Luồng cạn	Km 9+100 ÷ 9+800	1	3,5	2,2	36
29	Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp	Luồng cạn, hẹp	Km 0+400 ÷ 10+000	2,3	4,1		22 ÷ 27
			Km 10+000 ÷ 14+300	2,5	3,5		13 ÷ 22
			Km 14+400 ÷ 14+550	2,0	3,0		9 ÷ 15
			Km 14+550 ÷ 17+724	2,5	3,5		13 ÷ 17
			Km 17+950 ÷ 20+000	2,0	3,0		15 ÷ 22
			Km 20+000 ÷ 20+200	2,6	3,5		15
			Km 20+200 ÷ 20+300	1,2	2,1		15
			Km 20+300 ÷ 22+650	2,1	3,4		15 ÷ 20
			Km 22+700	0,7	1,6		15
			Km 22+720	1,6	2,5		15 ÷



			÷ 30+000				22
			Km 30 ÷ 30+400	1,7	2,8		15 ÷ 22
			Km 30+400 ÷ 92+000	1,45	2,2		17 ÷ 22
			Km 92+000 ÷ Cổng CM	1,95	2,7		15 ÷ 22
30	Rạch Cái Côn		Km 0+000 ÷ 11+620	7	9,4		>36
			Km 11+620 ÷ 15+270	6,2	8,3		>36
			Km 15+270 ÷ 16+500	5,7	7,8		>36
31	Rạch Cần Thơ		Km 0+000 ÷ 9+800	9,2	11,5		≥ 65
			Km 9+800 ÷ 10+000	4,2	6,5		≥ 65
			Km 10+000 ÷ 12+000	6,2	8,5		≥ 65
			Km 12+000 ÷ 12+400	9,2	11,5		≥ 65
			Km 12+400 ÷ 14+500	4,2	6,5		≥ 65
			Km 12+400 ÷ 16+000	6,2	8,5		≥ 65
32	Nhánh Năng Gù Thị Hòa (S. Hậu)		Km 0+000 ÷ 3+000	4,8	8,2		≥ 52
			Km 3+000 ÷ 4+000	3,1	6,5		≥ 52
			Km 4+000 ÷ 6+400	3,8	7,2		≥ 52
			Km 6+400 ÷ 7+400	1,8	5,2		≥ 52
			Km 7+400 ÷ 7+600	2,5	5,9		≥ 52
			Km 7+600 ÷ 7+900	3,8	7,2		≥ 52
			Km 7+900 ÷ 8+500	2,8	6,2		≥ 52
			Km 8+500 ÷ 16+000	1,8	3,4	1,7	40
33	Kênh Trà Vinh		Km 0+000 ÷ 4+750	0,5	3,5		36
34	Hồ Trị An		Km 0 +000 ÷ 25+000	5	15		100
			Km 25+000	1	11		100

			÷ 26+000				
			Km 26+000	3	13		50
			÷ 40+000				

IV/ Một số điều lưu ý khi đi trên tuyến:

- Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa thực hiện công tác xả lũ tại hồ Dầu Tiếng từ 07h00 ngày 22/10/2016, cao trình mực nước: 23,46m, lưu lượng xả: 100 m³/s, độ mở cửa tràn: 0,54m. Vào lúc 07h00 ngày 28/10/2016 đập ngưng xả lũ.

- Nhà máy thủy điện Trị An bắt đầu thực hiện công tác xả lũ từ ngày 26/10/2016, cao trình mực nước tại thời điểm xả lũ: 61,487m, lưu lượng xả qua đập: 154 m³/s, qua máy: 830 m³/s. Vào lúc 07h30 ngày 27/10/2016 đập ngưng xả lũ, cao trình mực nước: 61,487m.

- Kênh Lấp Vò Sa Đéc tại Km 21+650 thuộc địa phận thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp đang thi công xây dựng cầu Sa Đéc 2 và tại Km 41+250 thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đang thi công xây dựng cầu Lấp Vò 2.

- Sông Vàm Cỏ Đông từ Km 90 đến Km 131 có mở khai thác cát của Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Tây Ninh; Từ Km 14+400 đến Km 15+600 và từ Km 63+050 đến 63+350 có công trường nạo vét luồng kết hợp tận thu, có bố trí phao dẫn luồng.

- Kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng đang thi công cầu Huyện Đội tại Km 08+136, cầu Nguyễn Tất Thành tại Km 43+000.

- Kênh Tân Châu đang thi công cầu Tân An tại Km 04+230.

- Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp tại Km 101+740 (thượng lưu cống Cà Mau khoảng 120m), tỉnh Cà Mau đang thi công xây dựng cầu Phụng Hiệp.

- Rạch Ô Môn từ km 03+740 đến km 04+540 đang thi công công trình kè chống sạt lở sông Ô Môn, TP. Cần Thơ Giai đoạn 2

- Sông Tiền tại Km 161+350 đang thi công xây dựng cầu Cao Lãnh; từ Km 184+580 đến Km186+580, Km 187+780 đến Km 189+780, Km 197+190 đến Km 201+190 và từ Km 202+190 đến Km 206+190 có công trường nạo vét luồng kết hợp tận thu. Trên nhánh cù lao Long Khánh có công trường nạo vét luồng kết hợp tận thu từ Km 1+000 đến Km 2+000. Trên nhánh cù lao Tây Ma tại Km 03+950 đang thi công cầu Tân Long; từ Km 0+500 đến Km 1+500 có công trường nạo vét luồng kết hợp tận thu.

- Sông Hậu tại Km 146+800 đang thi công xây dựng cầu Vàm Cống; tại Km 210+200 đang thi công cầu Châu Đốc; từ km 160+020 đến km 161+161 bờ hữu sông Hậu đang thi công công trình khắc phục sạt lở, đảm bảo ATGT thủy bằng báo hiệu ĐTNĐ và trạm điều tiết; Công trình nạo vét luồng vào Cảng Bình Long từ km 181+600 đến km 182+800, và nạo vét vùng nước trước cảng tại km 188+200 (ngoài luồng chạy tàu), có bố trí báo hiệu ĐTNĐ.

- Trên kênh Vành Đai Rạch Giá công trình nạo vét luồng khởi công từ ngày 9/10/2016, có lực lượng điều tiết đảm bảo giao thông.

- Trên kênh Rạch giá Hà Tiên công trình nạo vét luồng khởi công từ ngày 26/10/2016, có lực lượng điều tiết đảm bảo giao thông.

- Kênh 28 tại Km 0+450 đang thi công cầu Cái bè 2, hiện đang có lực lượng điều tiết hướng dẫn giao thông tại khu vực thi công.

- Trên nhánh cù lao Bạch Đằng - sông Đồng Nai, có công trường đang thi công kè bảo vệ phía bờ phải tại thượng lưu cù lao, có báo hiệu hướng dẫn lưu thông. Tại khúc cong Km 06+500 có bãi đá từ bờ phải ra tới mép luồng.

- Cầu đường sắt Bình Lợi tại Km 30+140 sông Sài Gòn đang điều tiết không chế đảm bảo giao thông đường thủy nội địa, các phương tiện khi lưu thông qua khu vực các cầu này phải tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn và điều động của lực lượng điều tiết tại chỗ. Công trình thi công bờ kè Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi từ Km 100+580 ÷ Km 102+950 phía bờ phải sông Sài Gòn đang triển khai thi công, có bố trí hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa. Doanh nghiệp Minh Hưng hiện đang khai thác cát từ Km111+000 đến Km121+000 sông Sài Gòn, có bố trí báo hiệu đúng quy định

- Trên Hồ Trị An ngang Km 10+500 có công trường đang khai thác cát do Công ty Đồng Tân thực hiện, không ảnh hưởng luồng.

- Trên tuyến sông Vàm Cỏ Đông, Vàm cỏ Tây và sông Sài Gòn hiện tượng lục bình phát triển dày đặc, đặc biệt trên tuyến sông Sài Gòn từ Km60+000 lên hết tuyến (Km142+950) mặt sông kín lục bình

Nơi nhận:

- Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Các Sở GTVT ở phía Nam;
- Cảng vụ ĐTNĐ KV 3,4;
- Các đội TTAT số 5, 6, 7, 8;
- Các Cty CP QLBT ĐTNĐ số 10,11,12,13,14,15;
- Lãnh đạo Chi cục ĐTNĐ phía Nam;
- website www.viwasouth.gov.vn;
- Lưu VT, PC, QLHT;



Trần quang Trung